TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22-10-2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Anh L.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị T.
2. Bà Vương Thị L.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt C – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị C – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1431/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L** – Sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện D, tỉnh Thái Nguyên.
Nghề nghiệp: Làm tóc; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 12/12.
Hôm nay vắng mặt (Đã có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lê Quang D** – Sinh năm: 1985.
Địa chỉ: Thôn E, xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang.
Nghề nghiệp: Cơ khí; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 12/12.
Hôm nay vắng mặt (Đã triệu tập hợp lệ hai lần).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05-8-2018 của nguyên đơn chị Lê Thị L và các lời khai tại Tòa án chị L trình bày: Chị L và anh D trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 4 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang. Sau khi về chung sống với nhau, chị L và anh D chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 6-2016, thì chị L và anh D phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là trong cuộc sống có nhiều bất đồng, trong cuộc sống công việc không có sự bàn bạc thống

nhất nên xảy ra cãi vã nhau, anh D có đánh chị L. Chị L và anh D đã sống ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay. Chị L xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn với anh D để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị L và anh D có một con chung:

Cháu Lê Thị Kim T – Sinh ngày: 05-01-2011.

Chị L có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thị Kim T đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11-9-2018 của bị đơn là anh Lê Quang D trình bày: Anh D và chị L trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 4 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang. Sau khi về chung sống với nhau, anh D và chị L chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 6-2016, thì vợ chồng anh D và chị L phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là trong cuộc sống có nhiều bất đồng, trong cuộc sống công việc không có sự bàn bạc thống nhất nên xảy ra cãi vã nhau, trong lúc bực tức anh D có đánh chị L. Sau đó, chị L đã cùng con bỏ đi sống ly thân, cho đến nay không về nhà. Anh D xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên có quan điểm nhất trí ly hôn với chị L để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh D và chị L có một con chung:

Cháu Lê Thị Kim T – Sinh ngày: 05-01-2011.

Anh D có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ giao cháu Lê Thị Kim T cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án không tiến hành hòa giải vì đương sự vắng mặt (nguyên đơn đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Lê Thị L vắng mặt có lý do (Chị L đã có đơn xin giải quyết vắng mặt). Chủ tọa phiên tòa công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và những tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Chị L có quan điểm đề nghị giải quyết cho chị L ly hôn với anh D để mỗi người có một cuộc sống riêng. Về phần con chung, chị L giữ nguyên quan điểm sau khi ly hôn, chị sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cháu Lê Thị Kim T đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi cháu T. Về tài sản chung và công nợ, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh D vắng mặt: Chủ tọa công bố lời khai của anh Lê Quang D. Về quan hệ hôn nhân, anh D có quan điểm nhất trí ly hôn với chị L để mỗi người có một cuộc sống riêng. Về phần con chung, anh D có quan điểm sau khi ly hôn sẽ giao cháu Lê Thị Kim T cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi cháu T. Về tài sản chung và công nợ, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị Lê Thị L đối với anh Lê Quang D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Lê Thị L và anh Lê Quang D ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Kim T – Sinh ngày: 05-01-2011 cho chị Lê Thị L – Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện D, tỉnh Thái Nguyên trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Lê Thị Kim T trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 22-10-2018.

Anh Lê Quang D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4.Về tài sản, công nợ: Chị L và anh D không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lê Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A giải quyết việc hôn nhân của chị L và anh D. Theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Lê Quang D xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 06-4-2010 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện A, tỉnh

Hà Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau vợ, chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, trong cuộc sống và công việc không có sự bàn bạc thống nhất nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Trong lúc bực tức, anh D có đánh chị L và chị L cùng con bỏ đi sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L có đơn xin ly hôn với anh D. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh D cuộc sống chung không hoà hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh D là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh D cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu Lê Thị Kim T – Sinh ngày: 05-01-2011 cho chị Lê Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Tòa án xét thấy nguyện vọng của chị L và anh D là phù hợp quan điểm của cháu T là xin được ở với chị L để đảm bảo được cuộc sống và điều kiện ăn học cho cháu T. Do vậy cần phải giao cháu Lê Thị Kim T – Sinh ngày: 05-01-2011 cho chị Lê Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Lê Thị Kim T trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 22-10-2018.

Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị L và anh D không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L và anh Lê Quang D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị Lê Thị L đối với anh Lê Quang D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Lê Thị L và anh Lê Quang D ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Kim T – Sinh ngày: 05-01-2011 cho chị Lê Thị L – Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện D, tỉnh Thái Nguyên trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Lê Thị Kim T trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 22 -10-2018.

Anh Lê Quang D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 02066 ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang (Chị L đã nộp đủ tiền án phí).

5. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Lê Thị L và anh Lê Quang D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện A;*
- *TAND tỉnh;*
- *UBND xã G;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Anh L

Bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án cho các thành viên hội đồng xét xử nghe nhất trí đúng nội dung đã thảo luận và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Bản án gốc thông qua tại phòng nghị án những nội dung đã thảo luận, các thành viên hội đồng xét xử nhất trí ký tên.

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**